TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2018/DS-ST.
Ngày: 14-8 -2018.
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đông.

Các Hội thẩm Nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Lâm.

2. Ông Mai Xuân Đừng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 168/2018/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2018/QĐXX-DS ngày 13 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2018/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà P - (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu chung cư X - đường T, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền: Bà Y - (văn bản ủy quyền ngày 07/5/2018) - (có mặt).

Địa chỉ: Khu chung cư X - đường T, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- *Bị đơn:* Bà V- (có mặt).

Địa chỉ: đường N, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền: Bà H - (văn bản ủy quyền ngày 10/7/2018) - (có mặt).

Địa chỉ: đường G, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông M - sinh năm 1966 - (có mặt)

Địa chỉ: đường N, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Ông H và bà L - (vắng mặt).

Địa chỉ: đường K, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền của nguyên đơn - bà Y trình bày:

Do có sự quen biết nên vào ngày 13/10/2017 bà P có cho bà V vay số tiền là 250.000.000 đồng, khi vay bà V nói vay số tiền trên để lấy vốn mở gara sửa chữa xe ôtô, với lãi suất 1,5%/tháng. Về thời hạn trả nợ thì hẹn vay trong thời gian ngắn , khi nào bà P cần thì bà V trả nợ cho bà P.

Quá trình thực hiện hợp đồng , đến đầu năm 2018 bà P có yêu cầu bà V trả nợ nhiều lần nhưng bà V không trả một khoản nợ gốc và lãi suất nào mà còn tẩu tán , sang nhượng tài sản cho người khác . Vì vậy bà P khởi kiện yêu cầu bà V trả số tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật , kể từ ngày vay tiền là ngày 13/10/2017.

2. Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà V trình bày:

Tôi và bà P là hàng xóm với nhau . Tôi có vay tiền của bà P nhiều lần với mục đích sử dụng cá nhân, mỗi lần vay là 5.000.000 đồng, lãi suất là 6%/01 triệu đồng/ 01 tháng, thời gian vay từ năm 2014 cho đến giữa năm 2016 do tiền lãi cao nên tôi không vay nữa . Khi vay tiền của bà P, tôi chỉ ký xác nhận vào sổ của bà P, sau này viết chung các khoản nợ vào một tờ giấy do bà P giữ và nộp cho Tòa án để khởi kiện.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà P, tôi chỉ đồng ý trả số nợ gốc . Số tiền nợ 250.000.000 đồng mà bà P khởi kiện tôi bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi , chứ không phải chỉ là tiền nợ gốc như bà P trình bày, số tiền nợ gốc mà tôi vay của bà P chỉ khoảng 50.000.000 đồng.

3. Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - ông M trình bày:

Việc vợ tôi là bà V vay tiền của bà P khi nào và vay để làm gì thì tôi không biết và không liên quan gì. Tôi không ký vào giấy vay tiền nên tôi không có trách nhiệm trả nợ cho bà P. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

4. Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - ông H và bà L trình bày:

Ngày 03/5/2018, tại Phòng công chứng Đ, vợ chồng tôi là H và L có ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 144/2018/HĐCN với ông M, bà V, ông M1 và bà N, theo đó vợ chồng tôi nhận chuyển nhượng tài sản là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất đối với thửa đất số X1, tờ bản đồ số X2, diện tích X3 m^2, đất đã được UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X4 ngày 30/11/2010, tọa lạc tại phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Vợ chồng tôi yêu cầu ông M và bà V phải trả nợ cho bà P để hoàn thiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng tôi. Ông H và bà L có đơn từ chối tham gia tố tụng tại TAND thành phố Buôn Ma Thuột.

5. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu như sau:

- Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét chấp nhận đơn khởi kiện của bà P. Tuyên buộc bà V trả nợ gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật cho bà P.Về án phí: Bà V phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

[2]. Về nội dung:

Nguyên đơn bà P khởi kiện yêu cầu bị đơn bà V phải trả số tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 13/10 và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Giấy vay tiền không ghi năm nhưng thực tế bà P cho bà V vay tiền vào ngày 13/10/2017. Nội dung giấy vay tiền như sau: "Giấy vay tiền. Ngày 13-10. Tôi V: tôi có vay của bà P: một số tiền là 250.000.000 đồng. Hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn. Bà P hỏi thì trả. Không trả thì tôi chịu pháp luật. V".

Bị đơn bà V thừa nhận giấy vay tiền trên là do bà viết, trong giấy vay tiền chỉ ghi ngày 13/10 không ghi năm, tại phiên tòa bà V xác nhận năm vay tiền là năm 2017.

Bà V cho rằng số tiền nợ 250.000.000 đồng mà bà P khởi kiện bà V bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi , thực tế bà V chỉ vay của bà P 50.000.000 đồng tiền gốc, giấy vay tiền ngày 13/10/2017 là được ghi lại, bà P bắt bà V viết giấy cộng cả gốc và lãi thành 250.000.000 đồng, tuy nhiên bà V không cung cấp được chứng cứ để chứng minh. Nguyên đơn bà P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là bà V phải trả tiền gốc 250.000.000 đồng và lãi suất từ ngày 13/10/2017 theo quy định của pháp luật. Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận chỉ có một mình bà V vay tiền, ông M không biết và không liên quan đến việc vay mượn trên. Bà P chỉ yêu cầu bà V có trách nhiệm trả nợ. Do vậy, không buộc ông M có trách nhiệm liên đới với bà V cùng trả nợ là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về lãi suất: Việc vay tiền giữa các đương sự là có tính lãi suất tuy nhiên các bên không thống nhất về mức lãi suất cho vay nên lãi suất được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Cụ thể lãi suất được tính như sau:

- Tiền lãi trên nợ gốc (tính từ ngày 13/10/2017 đến ngày 14/8/2018): 250.000.000 đồng x 0.83%/ tháng x 10 tháng = 20.750.000 đồng.

Tổng cộng số tiền gốc và lãi bà V phải trả cho bà P là 270.750.000 đồng.

Áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự để tính lãi suất khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án.

[3] Về án phí: Bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 270.750.000 đồng x 5% = 13.537.500 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P.

Buộc bà V có trách nhiệm trả cho bà P số tiền 270.750.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng), trong đó: nợ gốc là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng), nợ lãi tính đến ngày 14/8/2018 là 20.750.000 đồng (hai mươi triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự để tính lãi suất khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án.

2. Về án phí:

Bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.537.500 đồng.

Bà P được nhận lại 6.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột theo biên lai thu tiền số AA/2017/0003686 ngày 03/5/2018.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. Buôn Ma Thuột;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Đông